

## B - CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO

### I - MỤC TIÊU

Ngoài mục tiêu chung đã được xác định trong Chương trình chuẩn, Chương trình nâng cao còn nhằm nâng cao hiểu biết nội dung, rèn luyện kỹ năng học tập lịch sử, phát huy khả năng tìm tòi sáng tạo về một số vấn đề lịch sử cho những học sinh có năng lực, hứng thú về lịch sử, qua đó góp phần phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu bộ môn, tạo nguồn cho việc đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

### II – NỘI DUNG

#### 1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
10	1,5	35	52,5
11	2	35	70
12	2	35	70
<b>Cộng (toàn cấp)</b>		<b>105</b>	<b>192,5</b>

## 2. Nội dung dạy học từng lớp

### LỚP 10

#### A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

##### 1. Xã hội nguyên thủy

- Nguồn gốc loài người và đời sống bầy người nguyên thủy.
- Sự tiến bộ trong lao động và đời sống vật chất của người nguyên thủy (từ thời hậu kì đá cũ đến thời đá mới).
- Tổ chức xã hội : thị tộc và bộ lạc.
- Văn hoá nguyên thủy.
- Sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy.

##### 2. Xã hội cổ đại

- Các quốc gia cổ đại phương Đông : điều kiện tự nhiên và sự ra đời xã hội có giai cấp đầu tiên ; sản xuất, quan hệ xã hội ; chế độ chuyên chế cổ đại.
- Hi Lạp và Rô-ma cổ đại : điều kiện tự nhiên, thành bang và nền dân chủ chủ nô ; sự phát triển của thủ công nghiệp, thương nghiệp ; chế độ chiếm hữu nô lệ.
- Văn hoá cổ đại : các thành tựu tiêu biểu của văn hoá phương Đông và phương Tây cổ đại.

##### 3. Trung Quốc thời phong kiến

- Sự hình thành và phát triển của chế độ phong kiến.
- Sự khủng hoảng và suy vong của chế độ phong kiến.
- Những thành tựu văn hoá Trung Quốc.

#### **4. Ấn Độ thời phong kiến**

- Các quốc gia phong kiến Ấn Độ.
- Những nét tiêu biểu về kinh tế và xã hội.
- Văn hoá Ấn Độ.

#### **5. Các nước Đông Nam Á thời phong kiến**

- Sự hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á.
- Sự hình thành và phát triển các vương quốc chủ yếu ở Đông Nam Á.
- Văn hoá Đông Nam Á : yếu tố bản địa và ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc.
- Cam-pu-chia và Lào.

#### **6. Sự hình thành và phát triển chế độ phong kiến Tây Âu**

- Sự hình thành các vương quốc của người Giéc-man.
- Lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội.
- Sự ra đời và phát triển của thành thị trung đại Tây Âu ; thủ công nghiệp và thương nghiệp ; các thương đoàn và hội chợ.
- Văn hoá Tây Âu thời trung đại. Đạo Thiên Chúa.

#### **7. Tây Âu thời hậu kì trung đại**

- Những phát kiến lớn về địa lí.
- Sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong lòng chế độ phong kiến.
- Phong trào Văn hoá Phục hưng ; Cải cách tôn giáo và Chiến tranh nông dân.

#### **Ôn tập lịch sử thế giới thời nguyên thủy, cổ đại và trung đại**

### **B. LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX)**

### **1. Việt Nam thời nguyên thủy**

- Những dấu tích của Người tối cổ. Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy.
- Sự ra đời của thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước.
- Những nền văn hoá lớn cuối thời nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

### **2. Các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam**

- Nước Văn Lang - Âu Lạc và nền văn minh sông Hồng (thế kỉ VII TCN - thế kỉ II TCN).
- Nước Cham-pa cổ và văn hoá Chăm.
- Quốc gia cổ Phù Nam.

### **3. Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ thế kỉ II TCN đến đầu thế kỉ X)**

- Chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.
- Những chuyển biến lớn về kinh tế, văn hoá và xã hội.
- Các cuộc đấu tranh giành độc lập và bảo vệ văn hoá dân tộc.

### **4. Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV**

- Quá trình xây dựng và phát triển nhà nước độc lập thống nhất (từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XV).
- Xây dựng và phát triển nền kinh tế tự chủ, đa dạng : tình hình ruộng đất và nông nghiệp, tình hình công thương nghiệp.
- Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc trong các thế kỉ X - XV.
- Khởi nghĩa Lam Sơn và cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.
- Xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc.
- Việt Nam thời Lê sơ : tổ chức nhà nước, tình hình kinh tế - xã hội, văn hoá - giáo dục.

### **5. Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII**

- Những chuyển biến về chính trị - xã hội ; chiến tranh phong kiến và sự chia cắt đất nước.

- Bước phát triển mới của nền kinh tế hàng hoá từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XVIII.
- Tình hình văn hoá, tư tưởng trong các thế kỉ XVI - XVIII : tôn giáo, văn học, nghệ thuật, khoa học – kĩ thuật.
- Phong trào Tây Sơn và triều đại Tây Sơn.

### **6. Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX**

- Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá dưới thời Nguyễn.
- Phong trào đấu tranh của nhân dân nửa đầu thế kỉ XIX.
- Quan hệ ngoại giao.

### **Sơ kết lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX**

- Tình hình phát triển xã hội.
- Những thành tựu chính của dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.
- Đóng góp của các dân tộc ít người vào sự nghiệp chung của đất nước.

*Lịch sử địa phương*

*Ôn tập, kiểm tra.*

## **LỚP 11**

### **A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI**

#### **1. Các cuộc cách mạng tư sản (từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII)**

- Những cuộc cách mạng tư sản mở đầu thời cận đại : Cách mạng Hà Lan, Cách mạng tư sản Anh.
- Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ nửa sau thế kỉ XVIII : sự di dân đến Bắc Mỹ và chế độ thực dân Anh ; nguyên nhân, tính chất của chiến tranh ; Oa-sinh-ton và Tuyên ngôn Độc lập 1776 ; chế độ Cộng hoà và Hiến pháp 1787 ; kết quả và ý nghĩa lịch sử.

- Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII : những tiền đề của cách mạng, khởi nghĩa 14-7-1789, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789, nền Cộng hoà thứ nhất 1792, chuyên chính Gia-cô-banh và Rô-be-spi-e ; kết quả và ý nghĩa lịch sử.

## **2. Các nước tư bản Âu – Mĩ (thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX)**

- Châu Âu đầu thế kỉ XIX : Chiến tranh Na-pô-lê-ông, Hội nghị Viên (1815).

- Cách mạng công nghiệp ở Anh và quá trình công nghiệp hoá ở châu Âu thế kỉ XIX.

- Phong trào cách mạng tư sản : Cách mạng 1848 ở Pháp ; đấu tranh thống nhất Đức ; đấu tranh thống nhất I-ta-li-a ; cải cách nông nô ở Nga, nội chiến ở Mĩ.

- Tiến bộ khoa học – kĩ thuật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, sự xuất hiện các tổ chức lũng đoạn – giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

- Sự phát triển không đều của các nước tư bản : Mĩ, Đức, Anh, Pháp và quá trình bành trướng thuộc địa.

## **3. Phong trào công nhân (đầu thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX)**

- Sự hình thành giai cấp công nhân. C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n và Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. Quốc tế thứ nhất.

- Cuộc khởi nghĩa 18-3-1871 và sự thành lập Công xã Pa-ri : tính chất, ý nghĩa, những bài học kinh nghiệm.

- Phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, Quốc tế thứ hai.

- V.I.Lê-nin và phong trào công nhân Nga. Cách mạng 1905 – 1907.

## **4. Các nước châu Á (giữa thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX)**

- Các nước châu Á trước nguy cơ xâm lược của tư bản phương Tây.

- Nhật Bản : Cuộc Duy tân Minh Trị : (các biện pháp cải cách kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục), Hiến pháp 1889. Chính sách đối ngoại và chiến tranh xâm lược.

- Chế độ thực dân Anh ở Ấn Độ và những hậu quả. Cuộc khởi nghĩa Xi-pay (1857 – 1859). Sự ra đời của Đảng Quốc đại và phong trào dân tộc đầu thế kỉ XX.

- Chiến tranh thuốc phiện (1840 – 1842) và quá trình xâm lược của các nước đế quốc vào Trung Quốc. Phong trào Thái bình Thiên quốc. Cuộc Duy tân năm Mậu Tuất (1898). Tôn Trung Sơn và Cách mạng Tân Hợi (1911).

- Các nước đế quốc xâm lược và thống trị Đông Nam Á. Hô-xê Ri-dan và phong trào chống Tây Ban Nha ở Phi-líp-pin (1896 - 1898). Những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Cam-pu-chia và Lào. Vương quốc Xiêm và cải cách Chu-la-long-con. Xu hướng dân chủ đầu thế kỉ XX ở In-đô-nê-xi-a, Miến Điện.

### **5. Các nước châu Phi, Mĩ La-tinh thời cận đại**

- Các nước đế quốc xâm lược, thống trị châu Phi và phong trào chống thực dân của nhân dân châu Phi.
- Sự hình thành các quốc gia độc lập ở Mĩ La-tinh đầu thế kỉ XIX.
- Chính sách của Mĩ đối với các nước Mĩ La-tinh : Cu Ba, Pa-na-ma...

### **6. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)**

- Quan hệ quốc tế dẫn đến chiến tranh, sự hình thành 2 khối : Liên minh và Hiệp ước.
- Nguyên nhân và tính chất chiến tranh, những giai đoạn chính.
- Kết cục chiến tranh, những hậu quả.

### **Ôn tập lịch sử thế giới cận đại**

- Thắng lợi của cách mạng tư sản và sự xác lập chủ nghĩa tư bản. Những thành tựu thúc đẩy sự phát triển lịch sử loài người.
- Những mâu thuẫn cơ bản của chế độ TBCN ; phong trào công nhân, phong trào chống thực dân.

## **B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 – 1945)**

### **1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô (1921 - 1941)**

- Nguyên nhân và diễn biến chính của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền Xô viết ở Nga (1918 - 1920).

- Công cuộc xây dựng CNXH ở nước Nga Xô viết và Liên Xô (1921 - 1941) : Chính sách “kinh tế mới” và công cuộc khôi phục kinh tế (1921 - 1925) ; sự ra đời của Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết ; bước đầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tập thể hoá nông nghiệp ; thực hiện các kế hoạch 5 năm. Văn hoá và khoa học – kĩ thuật. Quan hệ ngoại giao của Liên Xô.

### **2. Các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939)**

- Tình hình châu Âu sau chiến tranh. Hội nghị Véc-xai – Oa-sinh-ton. Cao trào cách mạng 1918 - 1923. Sự thành lập Quốc tế Cộng sản.

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 và những hậu quả của nó.

- Sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở Ý, Đức, Nhật Bản.

- Nguyên cơ chiến tranh và quan hệ quốc tế ở châu Âu : chiến tranh Tây Ban Nha, Hiệp ước Mui-ních, Hiệp ước Xô - Đức.

### **3. Các nước châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939)**

- Phong trào cách mạng ở Trung Quốc. Sự ra đời của Đảng Cộng sản năm 1921. Quá trình hợp tác và nội chiến giữa Đảng Quốc dân và Đảng Cộng sản.

- Phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ : Gan-đi, Nê-ru và Đảng Quốc đại.

- Các nước Đông Nam Á.

+ Sự ra đời của Đảng Cộng sản và Đảng Quốc dân ở In-đô-nê-xi-a. Phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan.

+ Sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào chống Pháp ở Lào và Cam-pu-chia.

### **4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)**

- Nguyên nhân và tính chất của Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Các giai đoạn chiến tranh ở châu Âu và châu Á - Thái Bình Dương.

- Quan hệ quốc tế trong chiến tranh ; sự ra đời của khối Đồng minh chống phát xít ; các hội nghị Tê-hê-ran, I-an-ta, Pốt-xđam.

- Kết cục của chiến tranh.

### **Ôn tập lịch sử thế giới từ 1917 - 1945**

## **C. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918**

### **1. Việt Nam từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX**

- Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam.

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858 - 1884). Hiệp ước 1884.



- Trào lưu cải cách duy tân nửa cuối thế kỉ XIX.
- Phong trào Cần vương và phong trào nông dân Yên Thế (cuối thế kỉ XIX) : diễn biến, tính chất, ý nghĩa.

## **2. Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ XX**

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp và những biến đổi về kinh tế - xã hội ở nước ta.
- Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX : Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Đông Kinh nghĩa thực, cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ và phong trào chống thuế.
- Phong trào dân tộc trong những năm 1914 - 1918. (Khởi nghĩa Thái Nguyên ; mưu khởi nghĩa tại Huế). Các hội kín ở Nam Kỳ.
- Những cuộc tiếp xúc đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc và các trí thức yêu nước với phương Tây để tìm đường cứu nước mới.
- Văn hoá, giáo dục.

### **Ôn tập lịch sử Việt Nam từ 1858 - 1918.**

*Lịch sử địa phương*

*Ôn tập, kiểm tra.*

## **LỚP 12**

### **A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY)**

#### **1. Tình hình thế giới sau chiến tranh**

- Việc thi hành các hiệp ước I-an-ta và Pôt-xđam.
- Sự thành lập Liên hợp quốc.
- Sự hình thành hai hệ thống XHCN và TBCN.

#### **2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (từ năm 1991 đến nay)**

- Liên Xô : khôi phục kinh tế sau chiến tranh. Thành tựu và thiếu sót.

- Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu và công cuộc xây dựng XHCN.
- CNXH trở thành hệ thống thế giới. Sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau.
- Sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của CNXH ở Đông Âu.
- Vài nét về Liên bang Nga từ 1991 đến nay.

### **3. Các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh (từ 1945 đến nay)**

- Khái quát chung về quá trình giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước.
- Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên.
- Ấn Độ và khu vực Trung Đông.
- Các nước Đông Nam Á.
- Cu Ba.
- Châu Phi và Mĩ La-tinh.

### **4. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (từ 1945 đến nay)**

- Những nét chung về các nước Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
- Mĩ : Tình hình kinh tế, chính trị, chính sách đối ngoại.
- Tây Âu : Tình hình kinh tế, chính trị. Liên minh châu Âu.
- Nhật Bản : Tình hình kinh tế, chính trị.

### **5. Quan hệ quốc tế (từ 1947 đến nay)**

- Tình trạng đối đầu, chiến tranh lạnh và ảnh hưởng của nó.
- Xu thế đối thoại và những chuyển biến trong quan hệ quốc tế từ cuối thế kỉ XX.

### **6. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá**

- Nguồn gốc của cách mạng khoa học - công nghệ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ.
- Xu thế toàn cầu hoá.

*Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại.*

## **B. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN NAY**

### **1. Việt Nam từ năm 1919 đến 1930**

- Kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Các khuynh hướng chủ yếu trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam (1919 - 1930) : phong trào dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản, khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng và phong trào dân tộc theo khuynh hướng vô sản. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu 1930.

### **2. Việt Nam từ 1930 đến 1945**

- Tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở Việt Nam.
- Phong trào dân tộc dân chủ từ 1930 đến 1945.
- Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử.

### **3. Việt Nam từ 1945 đến 1954**

- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà những năm 1945 - 1946.
- Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ hai và quá trình mở rộng chiến tranh, đặt ách thống trị ở vùng chúng chiếm đóng.
- Quá trình xây dựng nền dân chủ cộng hoà Việt Nam.
- Sự phát triển của mặt trận quân sự trong tiến trình kháng chiến chống Pháp. Chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương.
- Đặc điểm, tính chất, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp.

#### 4. Việt Nam từ 1954 đến 1975

- Tình hình, đặc điểm của Việt Nam sau tháng 7 - 1954.
- Những biến đổi về kinh tế, chính trị, xã hội, con người ở miền Bắc. Chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam và cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam (1954 - 1964).
- Cả nước chống đế quốc Mĩ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1965 - 1975).
- Đặc điểm, tính chất, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

#### 5. Việt Nam từ 1975 đến nay

- Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ.
- Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- Xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc 1976 - 1986.
- Xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới (từ 1986 đến nay).

#### Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay

*Lịch sử địa phương*

*Ôn tập, kiểm tra.*

### III – CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

#### LỚP 10

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THUỶ, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI		

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>1. Xã hội nguyên thủy</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc loài người : vượn cổ, quá trình lao động và chuyển biến từ Người tối cổ thành Người tinh khôn, sự hình thành chủng tộc.</li> <li>- Đời sống vật chất, tinh thần : chế tác công cụ, dùng lửa, săn bắt, hái lượm, trồng trọt, chăn nuôi.</li> <li>- Tổ chức xã hội.</li> <li>- Văn hoá nguyên thủy : tranh vẽ trong hang động, tượng (vật, người), tục mai táng...</li> <li>- Sự tan rã của xã hội nguyên thủy. Sự xuất hiện tư hữu, gia đình phụ hệ, phân chia giai cấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lao động tạo ra con người và xã hội loài người.</li> <li>- Phân tích hiện tượng của cải thừa thường xuyên làm nảy sinh hiện tượng phân hoá giàu nghèo, xuất hiện giai cấp.</li> </ul>
<b>2. Xã hội cổ đại</b> 2.1. Các quốc gia cổ đại phương Đông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã hội có giai cấp đầu tiên xuất hiện sớm ở phương Đông : điều kiện thiên nhiên thuận lợi, kinh tế sớm phát triển.</li> <li>- Sự hình thành các quốc gia cổ đại ở phương Đông.</li> <li>- Phân hoá xã hội, xuất hiện giàu nghèo : quý tộc, bình dân. Các quốc gia được hình thành ở : Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chú ý quan hệ xã hội, bộ máy nhà nước.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết cấu xã hội và chế độ chuyên chế cổ đại ở phương Đông : xã hội có hai giai cấp : thống trị và bị trị ; nhà vua có quyền lực tối cao, tuyệt đối.</li> <li>- Những thành tựu văn hoá của phương Đông cổ đại : chữ viết, thiên văn, lịch, toán học...</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2.2. Hi Lạp và Rô-ma cổ đại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện thiên nhiên : đất đai khô hạn, kém màu mỡ, đồng bằng hẹp, có bờ biển dài.</li> <li>- Kinh tế : nông nghiệp hạn chế, thủ công và thương nghiệp phát triển.</li> <li>- Hiểu biết về thành bang và nền dân chủ chủ nô ; các thể chế chính trị : dân chủ, cộng hoà. Chế độ chiếm hữu nô lệ.</li> <li>- Hiểu chế độ chiếm nô : chế độ kinh tế – xã hội dựa trên lao động của nô lệ, bóc lột nô lệ ; hai giai cấp : chủ nô và nô lệ.</li> <li>- Văn hoá cổ đại Hi Lạp, Rô-ma : lịch, chữ viết, các khoa học, văn học, nghệ thuật... ; liên hệ, so sánh với các thành tựu văn hoá cổ đại phương Đông.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội.</li> <li>- Hiểu được thế nào là chế độ chiếm hữu nô lệ.</li> <li>- Giải thích sự phát triển của văn hoá cổ đại Hi Lạp và Rô-ma.</li> </ul>
<b>3. Xã hội phong kiến</b> 3.1. Trung Quốc thời phong kiến	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu khái quát quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc : sự phân hoá giai cấp, hình thành hai giai cấp : địa chủ, nông dân lĩnh canh.</li> <li>- Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội qua các thời kì : Tần, Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh.</li> </ul>	
3.2. Ấn Độ thời phong	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đời sống nhân dân cực khổ, nông dân liên tục nổi dậy khởi nghĩa.</li> <li>- Trình bày những thành tựu rực rỡ của văn hoá Trung Quốc thời phong kiến : Nho giáo, sử học, văn học, kiến trúc, y học, kĩ thuật,...</li> <li>- Biết sơ giản về xã hội Ấn Độ cổ đại (hình thành các quốc gia</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu một vài tác giả và tác phẩm nổi tiếng của Trung Quốc thời phong kiến (thơ Đường, tiểu thuyết cổ điển).</li> <li>- Miêu tả một công trình kiến trúc</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
kiến  3.3. Các nước Đông Nam Á thời phong kiến	đầu tiên như Ma-ga-đa, sự thịnh trị dưới thời vua A-sô-ca). - Hiểu nét chính về sự hình thành, phát triển quốc gia phong kiến Ấn Độ : Ấn Độ thống nhất và Vương triều Gúp-ta. Sự chinh phục của người Hồi giáo lập nên Vương triều Đê-li. Những chính sách tích cực của A-cơ-ba. - Nêu được văn hoá Ấn Độ trong các thế kỉ XIII - XVIII : + Tôn giáo và các tập tục ; + Nghệ thuật ; + Chữ viết. - Nêu được sự xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á (điều kiện tự nhiên, đôi nét về tình hình chính trị, xã hội...) - Điều kiện tự nhiên : ảnh hưởng gió mùa, mùa khô, mùa mưa. - Các quốc gia cổ của người Việt, Chăm, Môn,... - Hiểu biết về sự hình thành, phát triển thịnh đạt và suy thoái của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á.	nổi tiếng của Ấn Độ .  - Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đối với văn hoá Việt Nam.
	- Nêu được những thành tựu văn hoá truyền thống đặc sắc.	- Lập niên biểu về quá trình phát triển lịch sử Lào, Cam-pu-chia thời phong kiến. - Giới thiệu một công trình kiến trúc nổi tiếng của Lào, Cam-pu-chia
3.4. Sự hình thành và phát triển chế độ phong kiến Tây Âu	- Trình bày quá trình phong kiến hoá và sự hình thành các vương quốc của người Giéc-man (sự tan rã của xã hội nguyên thủy và sự xâm nhập của người Giéc-man). - Biết về lãnh địa phong kiến : tổ chức lãnh địa, các hoạt động kinh tế của lãnh địa.	– Miêu tả một lãnh địa phong kiến, một thành thị ở Tây Âu thời trung đại.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3.5. Tây Âu thời hậu kì trung đại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quan hệ giai cấp, đẳng cấp trong xã hội phong kiến châu Âu.</li> <li>- Trình bày sự ra đời và phát triển của thành thị trung đại Tây Âu. Sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp (hội chợ, thương đoàn).</li> <li>- Văn hoá Tây Âu thời trung đại. Đạo Thiên Chúa và vai trò của Giáo hội.</li> <li>- Những phát kiến lớn về địa lí (nguyên nhân và tiền đề, diễn biến, hệ quả).</li> <li>- Trình bày sự nảy sinh phương thức sản xuất TBCN trong lòng chế độ phong kiến ở châu Âu, những thay đổi trong quan hệ xã hội.</li> <li>- Nêu những nét chính về các phong trào Văn hoá Phục hưng, Cải cách tôn giáo, Chiến tranh nông dân (nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa).</li> </ul>	
<b>4. Ôn tập lịch sử thế giới thời nguyên thủy, cổ đại và trung đại</b>	Hệ thống hoá những nội dung chính và sự kiện lịch sử tiêu biểu, so sánh (những nét chính) giữa xã hội phong kiến phương Đông và xã hội phong kiến phương Tây.	
<b>B. LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX)</b>		
<b>1. Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X</b>		



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>1.1. Việt Nam thời nguyên thủy</p> <p>1.2. Các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam</p>	<p>- Biết được cách đây khoảng 30 – 40 vạn năm, Người tối cổ đã sinh sống trên đất nước ta (dấu tích tìm thấy ở Lạng Sơn, Thanh Hoá, Đồng Nai, Bình Phước,...)</p> <p>- Sự chuyển biến từ Người tối cổ thành Người tinh khôn. Biết so sánh về mặt thời gian, địa bàn cư trú, công cụ lao động, hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội của con người thời văn hoá Sơn Vi với văn hoá Hoà Bình – Bắc Sơn để thấy được hai giai đoạn hình thành và phát triển của công xã thị tộc.</p> <p>- Hiểu được ý nghĩa sự ra đời của thuật luyện kim (đưa xã hội nguyên thủy bước sang giai đoạn cuối). Biết so sánh sự giống nhau của văn hoá Phùng Nguyên, Hoa Lộc, Sa Huỳnh, Đồng Nai, Óc Eo để thấy được cách đây khoảng 4000 năm, ở Việt Nam đã hình thành nền văn hoá sơ kì đồ đồng.</p> <p>- Trình bày được trên cơ sở và điều kiện của văn hoá Đông Sơn, Sa Huỳnh và Óc Eo, các quốc gia Văn Lang - Âu Lạc, Cham-pa và Phù Nam ra đời và phát triển.</p> <p>- Nắm được các giai đoạn phát triển chính của nước Văn Lang - Âu Lạc, quốc gia cổ Cham-pa và Phù Nam.</p>	<p>- Liên hệ với những vấn đề lịch sử thế giới có liên quan.</p> <p>- Nhấn mạnh sự phát triển của các nền văn hoá cổ trên đất nước Việt Nam (rút ra một số đặc điểm chung).</p> <p>- Một vài đặc điểm của các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam.</p>
<p>1.3. Thời Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành</p>	<p>- Trình bày được những nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân các quốc gia cổ đại trên đất Việt Nam.</p> <p>- Trình bày được chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc : tổ chức bộ máy cai trị, bóc lột về kinh tế, đồng hoá về</p>	<p>- Nhấn mạnh một vài nét chính về đời sống của các cư dân thời kì này.</p> <p>- Những ảnh hưởng tiêu cực và tích cực.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
độc lập dân tộc	<p>văn hoá. Giải thích được mục đích của các chính sách đó và những chuyển biến về kinh tế, văn hoá, xã hội... nước ta dưới ảnh hưởng của chính sách cai trị trên.</p> <p>- Nhận xét khái quát về các cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta trong các thế kỉ I – X. Trình bày được những nét chính về một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu : khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Bà Triệu, cuộc khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân, khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ, Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng. Ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa, đặc biệt là khởi nghĩa Lý Bí và chiến thắng Bạch Đằng (năm 938).</p>	<p>- Khái quát và nâng cao những hiểu biết của học sinh THCS một cách có hệ thống về nguyên nhân, ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa (nhấn mạnh sự hình thành truyền thống yêu nước...).</p>
<p><b>2. Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV</b></p> <p>2.1. Quá trình xây dựng và phát triển nhà nước độc lập thống nhất</p> <p>2.2. Xây dựng và phát triển kinh tế. Sự phân hoá các giai tầng trong xã hội ở các thế kỉ X - XV</p>	<p>– Đặc điểm của nhà nước thời Ngô, Đinh – Tiền Lê và thời Lý, Trần, Hồ, Lê sơ. Bước đầu so sánh để thấy được sự hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến : về tổ chức bộ máy nhà nước, pháp luật, quân đội, chính sách đối nội và đối ngoại.</p> <p>- Nắm được sự mở rộng và phát triển nông nghiệp, phát triển thủ công nghiệp, mở rộng thương nghiệp qua các thời Ngô, Đinh – Tiền Lê và Lý, Trần, Hồ, Lê sơ.</p> <p>- Hiểu được bộ phận ruộng đất tư ngày càng phát triển, đó là nguyên nhân làm cho sự phân hoá trong xã hội ngày càng sâu sắc.</p>	<p>– Sự hình thành và phát triển nhà nước phong kiến.</p> <p>– Chú trọng : sự phát triển kinh tế và sự phân hoá các giai tầng trong xã hội.</p>
2.3. Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm	– Biết được những nét khái quát (nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa) về các cuộc kháng chiến : hai lần chống Tống,	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2.4. Xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc	<p>các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, phong trào đấu tranh chống quân xâm lược Minh và khởi nghĩa Lam Sơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư tưởng và tôn giáo : Sự du nhập và phát triển của Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Sự thay đổi vai trò thống trị về tư tưởng của Phật giáo và Nho giáo.</li> <li>- Biết được giáo dục ngày càng phát triển có quy củ. Sự phát triển của văn học chữ Hán và chữ Nôm.</li> <li>- Phân tích được đặc điểm nổi bật của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc. Khái quát về sự hình thành và phát triển những loại hình sân khấu dân gian.</li> <li>- Nhớ được những công trình khoa học đặc sắc.</li> </ul>	
<p><b>3. Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII</b></p> <p>3.1. Chiến tranh phong kiến và sự chia cắt đất nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được năm 1527 nhà Lê sụp đổ, nhà Mạc ra đời. Một số chính sách của nhà Mạc nhằm ổn định đất nước.</li> <li>- Trình bày được sơ lược diễn biến của các cuộc chiến tranh phong kiến dẫn đến sự hình thành Nam triều – Bắc triều và Đàng Trong - Đàng Ngoài. Giải thích được nguyên nhân của các cuộc chiến tranh và hậu quả của nó.</li> </ul>	- Làm rõ nguyên nhân, hậu quả của việc đất nước bị chia cắt.
3.2 Tình hình kinh tế	- Những biểu hiện suy yếu, khủng hoảng của nông nghiệp Đàng Ngoài và nguyên nhân của hiện tượng đó. Sơ lược quá trình khẩn hoang ở Đàng Trong và kết quả.	- Làm rõ hơn về việc khẩn hoang (mở mang bờ cõi) ở phía Nam.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>3.3. Văn hoá, tư tưởng</p> <p>3.4. Khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài và phong trào Tây Sơn</p>	<p>- Những biểu hiện phát triển của thủ công nghiệp : thủ công nghiệp nhà nước được chú trọng ; các làng nghề ở nông thôn rất phát triển.</p> <p>– Về thương nghiệp : sự trao đổi hàng hoá giữa các địa phương được mở rộng ; mối quan hệ buôn bán với các nước phương Đông được phát triển ; sự hình thành và hưng thịnh của một số đô thị (Thăng Long, Hội An, Phố Hiến...).</p> <p>- Trình bày được tình hình phát triển tư tưởng văn hoá, giáo dục và khoa học – kĩ thuật và giải thích được nguyên nhân của sự phát triển đó.</p> <p>- Đặc điểm của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài và nguyên nhân cũng như kết quả của nó. Phong trào nông dân Tây Sơn, đặt nền móng cho sự thống nhất đất nước và kháng chiến chống quân Xiêm, quân Thanh thắng lợi. Vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong công cuộc dựng nước và giữ nước.</p>	<p>- Nhấn mạnh nguyên nhân sự phát triển của kinh tế hàng hoá.</p> <p>- Chú ý làm rõ : + Vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong việc đặt cơ sở cho sự thống nhất đất nước. + Xây dựng nền văn hoá dân tộc.</p>
<p><b>4. Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX</b></p>	<p>- Nhà nước phong kiến tập quyền dưới thời Nguyễn được xây dựng quy củ. Những hạn chế trong chính sách đối ngoại của nhà Nguyễn.</p> <p>- Nông nghiệp sa sút, nhà Nguyễn thi hành chính sách "trọng nông ức thương", mâu thuẫn trong xã hội ngày càng sâu sắc. Phong trào đấu tranh của nhân dân liên tiếp nổ ra.</p>	<p>- Giúp HS nhận thức về trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc làm mất nước ta.</p>
	<p>- Phật giáo và tín ngưỡng dân gian phát triển. Văn học phát triển phong phú, đa dạng ; khoa học, đặc biệt là sử học đạt được một số thành tựu. Nghệ thuật phát triển. Nguyên nhân của các hiện</p>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	tương đó.	
<p><b>5. Sơ kết lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX</b></p> <p>5.1. Những thành tựu chính của dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước</p>	<p>Hệ thống hoá :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những thành tựu về chính trị : sự ra đời của các quốc gia cổ đại đầu tiên (Văn Lang – Âu Lạc, Lâm Ấp – Cham-pa, Phù Nam) ; quá trình xây dựng và phát triển của nhà nước phong kiến tập quyền.</li> <li>- Những thành tựu về kinh tế : ruộng đất được mở rộng ; hệ thống đê và thuỷ lợi được xây dựng ; thủ công nghiệp và thương nghiệp ngày càng mở rộng, thương nghiệp phát triển.</li> <li>- Trình bày được những thành tựu về văn hoá : Nho giáo, Phật giáo được kết hợp với tư tưởng, tình cảm, tín ngưỡng truyền thống ; giáo dục Nho học từng bước phát triển. Văn học nghệ thuật ngày càng đa dạng và phong phú ; những thành tựu về khoa học và sự tiếp thu khoa học – kĩ thuật của phương Tây.</li> <li>- Trình bày được những đặc điểm trong sự nghiệp chống ngoại xâm của nhân dân ta : thường xuyên phải chống ngoại xâm, nhân dân ta không chịu khuất phục và làm nên nhiều chiến công hiển hách.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh được hướng dẫn để ôn tập các nội dung trong chương trình.</li> <li>- Chú ý đưa ra các loại bài tập thực hành, bài tập nhận thức cho học sinh.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
5.2. Đóng góp của các dân tộc ít người vào sự nghiệp chung của đất nước	<p>Trình bày được :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự hoà hợp giữa các dân tộc, sự hình thành ý thức dân tộc của các dân tộc ít người.</li> <li>- Những đóng góp về mặt kinh tế – văn hoá : các nghề truyền thống của các dân tộc ít người ; những nét đặc sắc về nghệ thuật, chữ viết của các dân tộc.</li> <li>- Những đóng góp vào sự nghiệp dựng nước : một số sự kiện phản ánh sự đóng góp vào các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc.</li> </ul>	<p>Chú trọng : Sự đóng góp của các dân tộc ít người vào công cuộc dựng nước, giữ nước (qua một số tài liệu, sự kiện cụ thể).</p>

### LỚP 11

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI</b>		
<b>1. Các cuộc cách mạng tư sản (từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát về sự chuyển biến kinh tế, xã hội dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản đầu tiên :</li> <li>+ Cách mạng Hà Lan giữa thế kỉ XVI.</li> <li>+ Cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII.</li> <li>+ Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ giữa thế kỉ XVIII : Sự di dân đến Bắc Mĩ và chế độ thực dân Anh ; nguyên nhân và tính chất của Chiến tranh giành độc lập ; Oa-sinh-ton và Tuyên ngôn Độc lập 1776 ; chế độ Cộng hoà và Hiến pháp 1787.</li> <li>- Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII : những tiền đề cách</li> </ul>	<p>Chú ý về các cuộc cách mạng tư sản cần nêu được :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên nhân sâu xa, duyên cớ trực tiếp.</li> <li>- Diễn biến chính (các hình thức cách mạng).</li> <li>- Kết quả.</li> <li>- Ý nghĩa lịch sử.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>mạng, khởi nghĩa 14-7-1789.</p> <p>- Trình bày những diễn biến chính qua các giai đoạn cách mạng Pháp : chế độ quân chủ lập hiến, chế độ cộng hoà, nền chuyên chính dân chủ cách mạng, chiến tranh cách mạng.</p>	<p>Tìm hiểu :</p> <p>- Nội dung cơ bản “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền”.</p> <p>- Rô-be-spi-e.</p> <p>- Na-pô-lê-ông.</p>
<p><b>2. Các nước tư bản Âu – Mĩ từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX</b></p>	<p>- Châu Âu đầu thế kỉ XIX : Chiến tranh Na-pô-lê-ông, Hội nghị Viên 1815 và sự thay đổi bản đồ châu Âu.</p> <p>- Cách mạng công nghiệp : Những tiền đề của cách mạng công nghiệp ; những phát minh và sử dụng máy móc ; hệ quả của cách mạng công nghiệp : sự hình thành hệ thống sản xuất mới, tạo ra sự biến đổi về mặt xã hội (hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư sản), quá trình hình thành nền văn minh công nghiệp.</p>	<p>- Trình bày quá trình chuyển từ lao động thủ công sang lao động cơ khí trong các lĩnh vực sản xuất.</p> <p>- Những biến đổi xã hội do cách mạng công nghiệp tạo ra.</p>
	<p>- Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ :</p> <p>+ Cuộc vận động thống nhất ở Đức và I-ta-li-a : con đường thống nhất “từ trên xuống” và “từ dưới lên”. Kết quả, ý nghĩa.</p> <p>+ Nội chiến ở Mĩ, Cải cách nông nô ở Nga : diễn biến, ý nghĩa.</p> <p>- Các nước tư bản Âu – Mĩ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX :</p> <p>+ Sự tiến bộ, các thành tựu khoa học tự nhiên, kĩ thuật cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, đánh giá ảnh hưởng đối với việc phát triển, mở rộng của sản xuất.</p> <p>+ Sự xuất hiện chủ nghĩa tư bản độc quyền trong sản xuất, trong tài chính, việc đẩy mạnh xâm lược thuộc địa và chính sách đối</p>	<p>Chú ý :</p> <p>- Các hình thức của cách mạng tư sản.</p> <p>- Nguyên nhân bùng nổ và thắng lợi của hàng loạt cuộc cách mạng tư sản ở Âu, Mĩ vào giữa thế kỉ XIX</p> <p>- Nêu rõ những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật, đặc biệt là các phát minh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	ngoại hiệu chiến chuẩn bị chiến tranh thế giới. + Các mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa đế quốc. + Những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ ; sự phát triển không đều ; đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc ở mỗi nước.	- Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc ở mỗi nước.
<b>3. Phong trào công nhân từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ lược về quá trình hình thành giai cấp công nhân và những phong trào đấu tranh chính trị quan trọng trong những năm 30 – 40 của thế kỉ XIX : tình cảnh giai cấp công nhân công nghiệp, các cuộc đấu tranh ở Pháp, Anh, Đức.</li> <li>- Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội không tưởng : nội dung cơ bản, những hạn chế, ý nghĩa.</li> <li>- Sự ra đời của CNXH khoa học, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n.</li> <li>- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (một số đoạn trích).</li> <li>- Quốc tế thứ nhất, Quốc tế thứ hai và những đóng góp của các tổ chức này đối với phong trào công nhân quốc tế.</li> <li>- Công xã Pa-ri : sự thành lập, quá trình hoạt động và vai trò lịch sử.</li> <li>- Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Quốc tế thứ hai : cuộc Tổng bãi công ở Si-ca-gô (1-5-1886). Sự thành lập các đảng của giai cấp công nhân.</li> <li>- Phong trào công nhân Nga và vai trò của Lê-nin trong việc lãnh đạo cách mạng Nga và phát triển chủ nghĩa Mác trong thời kì mới : hoạt động của Lê-nin, Cách mạng Nga 1905 – 1907 với cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Mát-xcơ-va tháng 12 - 1905 ; tính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp của C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n.</li> <li>- Chú ý nắm vững :               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cuộc chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ Công xã Pa-ri.</li> <li>+ Nhà nước vô sản đầu tiên thể hiện bản chất nhà nước kiểu mới.</li> <li>+ Ý nghĩa, bài học của Công xã Pa-ri.</li> </ul> </li> </ul>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	chất, ý nghĩa của cuộc cách mạng.	
<b>4. Các nước châu Á giữa thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX</b>	<p>- Các nước châu Á trước sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Giải thích nguyên nhân.</p> <p>- Nhật Bản : Cuộc cải cách Minh Trị : nguyên nhân, các biện pháp cải cách kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, Hiến pháp 1889, chính sách đối ngoại và chiến tranh xâm lược.</p> <p>- Trung Quốc : các sự kiện lịch sử quan trọng trong lịch sử Trung Quốc thời cận đại : Chiến tranh thuốc phiện (1840 – 1842) và quá trình xâm lược của các nước đế quốc vào Trung Quốc, phong trào Thái bình Thiên quốc, cuộc Duy tân năm Mậu Tuất (1898), Cách mạng Tân Hợi (1911).</p> <p>- Ấn Độ : chế độ thực dân Anh ở Ấn Độ và hậu quả. Cuộc khởi nghĩa năm 1857. Sự chuyển biến về kinh tế - xã hội và sự ra đời, hoạt động của Đảng Quốc Đại, phong trào dân tộc đầu thế kỉ XX.</p> <p>- Đông Nam Á : quá trình xâm lược của các nước phương Tây, ách thống trị thực dân và những chuyển biến kinh tế - xã hội. Hô-xê Ri-dan và phong trào đấu tranh chống thực dân Tây Ban Nha ở Phi-líp-pin (1892 - 1898). Những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Cam-pu-chia và Lào. Vương quốc Xiêm và cải cách Chu-la-long-con.</p> <p>Xu hướng dân chủ đầu thế kỉ XX ở In-đô-nê-xi-a, Miến Điện.</p>	<p>- Chọn các sự kiện, tiêu biểu.</p> <p>- Giải thích các yếu tố làm cho Nhật Bản là nước duy nhất ở châu Á trở nên cường thịnh, trở thành nước tư bản phát triển.</p> <p>- Tính chất của Đảng Quốc Đại (qua các chủ trương và hoạt động...).</p> <p>- Sử dụng bản đồ, nên đưa quá trình xâm lược của các nước thực dân (ghi rõ năm, tên nước đi xâm lược...).</p> <p>- Nắm được những nét khái quát về đặc điểm chung của phong trào yêu nước chống ngoại xâm.</p>
<b>5. Các nước châu Phi, Mĩ La-tinh thời cận đại</b>	<p>– Các nước đế quốc xâm lược, phân chia và thống trị châu Phi ; các cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân châu Phi chống chủ nghĩa thực dân.</p> <p>– Tình hình khu vực Mĩ La-tinh ; phong trào đấu tranh và sự hình thành các quốc gia độc lập ; Mĩ La-tinh cuối thế kỉ XIX -</p>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	đầu thế kỉ XX, chính sách bành trướng của Mĩ.	
<b>6. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ quốc tế dẫn đến chiến tranh, sự hình thành hai khối quân sự đối địch ở châu Âu.</li> <li>- Hai giai đoạn chính của chiến tranh : những diễn biến chính của chiến sự.</li> <li>- Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất.</li> </ul>	- Học sinh sưu tầm, sử dụng tài liệu, đồ dùng trực quan... trong khi học bài này.
<b>7. Ôn tập lịch sử thế giới cận đại</b>	Trình bày những nội dung chính và những sự kiện lịch sử tiêu biểu : thắng lợi của cách mạng tư sản và sự xác lập chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa, phong trào công nhân, phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược.	Học sinh được hướng dẫn tự học các vấn đề này.
<b>B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945)</b>		
<b>1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 - 1941)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được vì sao năm 1917 nước Nga tiến hành hai cuộc cách mạng.</li> <li>- Quá trình chuyển biến từ Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai sang Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười : tình trạng hai chính quyền song song tồn tại, các giai đoạn và các sự kiện lớn của quá trình chuyển biến cách mạng, thắng lợi của cách mạng.</li> <li>- Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười.</li> <li>- Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế (1921 - 1925), sự ra đời của Liên Xô.</li> <li>+ Trình bày quá trình công nghiệp hoá, tập thể hoá nông nghiệp ở Liên Xô. Nêu những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đánh giá ý nghĩa. Phân tích một số sai lầm, thiếu</li> </ul> </li> </ul>	<p>Nhấn mạnh các vấn đề :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý nghĩa Cách mạng tháng Mười.</li> <li>- Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười.</li> <li>- Chính sách cộng sản thời chiến.</li> <li>- Chính sách kinh tế mới.</li> </ul> <p>(Liên hệ với Việt Nam).</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><b>2. Các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)</b></p>	<p>sốt có ảnh hưởng đến sự phát triển của lịch sử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình hình châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ; Hội nghị hoà bình Pa-ri 1919 ; Hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-ton ; sự suy yếu kinh tế và bước đầu ổn định, những năm vàng son ngắn ngủi.</li> <li>- Cao trào cách mạng 1918 - 1923 ở Đức, Hung-ga-ri... dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga. Sự ra đời và hoạt động của Quốc tế Cộng sản (chủ yếu là các Đại hội II, V, VII).</li> <li>- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 : nguyên nhân, diễn biến và những hậu quả của nó.</li> <li>- Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít ở Pháp, I-ta-li-a, Tây Ban Nha...</li> <li>- Đức : khủng hoảng kinh tế và sự hình thành chủ nghĩa phát xít, chính sách đối nội và đối ngoại phản động của chủ nghĩa phát xít.</li> <li>- Mĩ : tình hình sau khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933. “Chính sách mới” của Ru-đơ-ven và tác dụng của nó đối với nước Mĩ.</li> <li>- Nhật : tình hình những năm 1918 - 1929, 1929 - 1939, khủng hoảng kinh tế, quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước, cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản chống chủ nghĩa quân phiệt ; chính sách bành trướng, xâm lược.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên hệ với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, đưa bản yêu sách đến Hội nghị.</li> <li>- Liên hệ với việc Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội V của Quốc tế Cộng sản.</li> <li>- Trình bày những biểu hiện của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 và phân tích hậu quả đối với các nước.</li> <li>- Sự ra đời của chủ nghĩa phát xít và sự chuẩn bị chiến tranh.</li> </ul>
<p><b>3. Các nước châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phong trào cách mạng ở Trung Quốc trong thời kì này : phong trào Ngũ tứ và sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921) ; Chiến tranh Bắc phạt (1926 - 1927) và nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản (1927 - 1937). Trung Quốc trước</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>sự xâm lược của Nhật Bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu biết về cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Ấn Độ, về các nhân vật lịch sử tiêu biểu (M. Gan-đi, R. Nê-ru).</li> <li>- Hiểu biết một số nét tiêu biểu về tình hình chung ở Đông Nam Á. Sự ra đời của các đảng chính trị (Đảng Cộng sản) ở In-đô-nê-xi-a. Phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a, chống thực dân Pháp ở Lào và Cam-pu-chia. Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh ở Mã Lai, Miên Điện ; cách mạng 1932 ở Thái Lan.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu về M. Gan-đi và đường lối cách mạng của ông.</li> </ul>
<p><b>4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> <li>- Trình bày những diễn biến chính của mặt trận châu Âu và mặt trận châu Á - Thái Bình Dương. Quan hệ quốc tế trong chiến tranh ; sự ra đời của khối Đồng minh chống phát xít ; các Hội nghị Tê-hê-ran, I-an-ta, Pôt-xđam.</li> <li>- Phân tích và đánh giá hậu quả của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vai trò của Hồng quân và nhân dân Liên Xô trong việc đánh thắng chủ nghĩa phát xít.</li> </ul>
<p><b>5. Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (1917 – 1945)</b></p>	<p>Ôn tập những nội dung chính đã học và những sự kiện lịch sử tiêu biểu : sự xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước đầu tiên trên thế giới ; chuyển biến mới của phong trào cách mạng thế giới sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 ; những bước phát triển thăng trầm, đầy biến động của các nước tư bản chủ nghĩa ; Chiến tranh thế giới thứ hai – cuộc chiến tranh khốc liệt và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử.</p>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>C. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918</b>		
<p><b>1. Việt Nam từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX</b></p>	<p>- Trình bày được tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX : nhà Nguyễn ra sức khôi phục chế độ quân chủ chuyên chế ; nông nghiệp sa sút, công nghiệp phát triển ; đường lối đối ngoại của nhà Nguyễn không đúng đắn ; đời sống nhân dân khổ cực ; trong khi đó, các nước tư bản phương Tây nhòm ngó, đặc biệt là thực dân Pháp ngày càng can thiệp sâu vào Việt Nam.</p> <p>- Trình bày được các sự kiện chủ yếu trong giai đoạn từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX :</p> <p>+ Pháp tấn công Đà Nẵng và chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ ; cuộc kháng chiến của nhân dân ta, khởi nghĩa Trương Định ; Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ ; cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở ba tỉnh miền Đông và ba tỉnh miền Tây.</p> <p>+ Pháp mở rộng đánh chiếm toàn bộ Việt Nam, nhân dân ta kháng chiến. Hiệp ước 1883 và 1884.</p> <p>+ Trào lưu canh tân đất nước : các nhà cải cách, những đề nghị cải cách, nguyên nhân thất bại.</p> <p>+ Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương : Bãi Sậy, Ba Đình, Hùng Lĩnh, Hương Khê ; phong trào nông dân Yên Thế và của đồng bào miền núi.</p>	<p>- Lưu ý :</p> <p>+ Liên hệ với lịch sử thế giới.</p> <p>+ Trình bày tình hình nhà Nguyễn giữa thế kỉ XIX để thấy rõ sự sa sút về kinh tế và đường lối đối ngoại không đúng đắn của nhà Nguyễn là một trong những nguyên nhân mất nước.</p> <p>- Trên cơ sở được học cụ thể ở THCS, ở đây nội dung mang tính hệ thống, khái quát nhằm làm cơ sở để khẳng định truyền thống yêu nước của nhân dân ta và trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước ta ở cuối thế kỉ XIX.</p> <p>- Nhấn mạnh : cuộc kháng chiến của nhân dân đã làm cho thực dân Pháp bị động và sau hơn 40 năm mới thực sự “bình định” được Việt Nam ; nguyên nhân bùng nổ phong trào Cần vương, phong trào nông dân Yên Thế, nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của hai</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
		phong trào đó.
<p><b>2. Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất</b></p> <p>2.1 Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)</p>	<p>- Trình bày được những chuyển biến về kinh tế : Sự xuất hiện đồn điền, hầm mỏ, một số cơ sở công nghiệp và đường sắt, bến cảng. Pháp độc chiếm về nội và ngoại thương ; sự chuyển biến về xã hội. Bên cạnh giai cấp địa chủ phong kiến và nông dân, trong xã hội Việt Nam đã hình thành giai cấp công nhân, tầng lớp tư sản, tiểu tư sản Việt Nam ; ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng tư sản từ bên ngoài vào Việt Nam.</p> <p>- Giải thích được nguyên nhân của sự chuyển biến về kinh tế là do tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp. Sự chuyển biến về kinh tế dẫn tới sự chuyển biến về xã hội ; vì sao trào lưu tư tưởng tư sản vào được Việt Nam.</p> <p>- Trình bày tóm tắt được phong trào yêu nước tiêu biểu đầu thế kỉ XX : xu hướng bạo động của Phan Bội Châu ; xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh ; Đông Kinh nghĩa thực ; vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội ; hoạt động của nghĩa quân Yên Thế.</p> <p>- Giải thích được nguyên nhân xuất hiện các phong trào trên ; tính chất dân chủ tư sản của phong trào ; sự khác nhau về</p>	<p>- Làm rõ mối quan hệ giữa chuyển biến về kinh tế và chuyển biến về xã hội.</p> <p>- So sánh được sự khác nhau và giống nhau giữa phong trào cách mạng cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX.</p> <p>- Trong hai nguyên nhân xuất hiện phong trào, nguyên nhân trong nước là</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	tính chất và về hình thức của phong trào ; nguyên nhân thất bại : chưa có con đường cách mạng đúng đắn.	nguyên nhân chính.
2.2. Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được chính sách cai trị thời chiến của Pháp, sự biến động về kinh tế, xã hội. Giải thích được mối quan hệ giữa chính sách của Pháp và sự biến động về kinh tế, xã hội Việt Nam.</li> <li>- Trình bày tóm tắt các cuộc đấu tranh vũ trang tiêu biểu : Việt Nam Quang phục hội, khởi nghĩa Thái Phiên và Trần Cao Vân, khởi nghĩa của binh lính ở Thái Nguyên, phong trào hội kín ở Nam Kỳ.</li> <li>- Nêu được đặc điểm của phong trào trong giai đoạn này, giải thích được nguyên nhân dẫn đến các đặc điểm đó.</li> <li>- Trình bày được quá trình hình thành giai cấp công nhân từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp đến Chiến tranh thế giới thứ nhất, những hình thức đấu tranh của công nhân : bỏ việc, bãi công, tham gia phong trào yêu nước.</li> <li>- Trình bày được hoàn cảnh dẫn đến việc Nguyễn Ái Quốc đi tìm đường cứu nước ; buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911 - 1919).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thấy rõ sự khác nhau giữa phong trào trong giai đoạn này với phong trào đầu thế kỉ XX.</li> </ul>

## LỚP 12

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY</b>		
<b>1. Bối cảnh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu và chứng minh được sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh : Hội nghị I-an-ta (Liên Xô) ; sự thành lập Liên hợp quốc : mục đích và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.</li> <li>- Giải thích được sự hình thành hai hệ thống : xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, mối quan hệ ngày càng căng thẳng giữa hai hệ thống ; chiến tranh lạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ba quyết định quan trọng của Hội nghị I-an-ta.</li> <li>- Vai trò, thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Bảo an.</li> </ul>
<b>2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991). Liên bang Nga (từ 1991 đến nay)</b>	<p>Hiểu được :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 :</li> <li>+ Những thành tựu chính trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.</li> <li>+ Sự ra đời và hoạt động của Hội đồng Tương trợ kinh tế và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa các nước xã hội chủ nghĩa).</li> <li>+ Quá trình khủng hoảng dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.</li> <li>- Liên bang Nga (từ năm 1991 đến nay) : những nét chính về các mặt : kinh tế, chính trị, chính sách đối ngoại, vị trí nước Nga trên trường quốc tế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu một số sai lầm cơ bản.</li> <li>- Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu và hậu quả của nó.</li> </ul>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><b>3. Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh (từ 1945 đến nay)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu khái quát về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh :</li> <li>+ Sự hình thành, phát triển của các quốc gia độc lập.</li> <li>+ Các con đường phát triển và một số vấn đề nổi bật trên con đường phát triển.</li> <li>- Trung Quốc : Sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, quá trình xây dựng đất nước qua các giai đoạn : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1949 - 1959 : những thành tựu chính của nhân dân Trung Quốc trong 10 năm đầu xây dựng đất nước.</li> <li>+ 1959 - 1978 : những năm không ổn định.</li> <li>+ 1978 - nay : cải cách và mở cửa, nội dung cơ bản của đường lối cải cách và thành tựu chính từ sau năm 1978.</li> </ul> </li> <li>- Lãnh thổ Đài Loan : nêu được một số nét cơ bản về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở Đài Loan.</li> <li>- Bán đảo Triều Tiên : trình bày được sự ra đời của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Đại Hàn Dân quốc, mối quan hệ giữa hai miền Nam, Bắc Triều Tiên từ những năm 70 đến nay.</li> <li>- Đông Nam Á : hiểu khái quát về quá trình đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai ; các giai đoạn cơ bản của lịch sử In-đô-nê-xi-a, Lào, Cam-pu-chia từ năm 1945 đến nay ; quá trình xây dựng đất nước ở Đông Nam Á ; những thành tựu, khó khăn, chiến lược phát triển kinh tế : hướng nội, hướng ngoại..., sự ra đời và phát triển của ASEAN : Hoàn cảnh ra đời, các giai đoạn phát triển (phân biệt được nội dung hoạt động của ASEAN - 10 với ASEAN - 5), về số lượng, các mục tiêu mà ASEAN đặt ra và kết quả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc.</li> <li>- Những nét lớn về sự phát triển kinh tế của ba nước Đông Dương.</li> <li>- Những điểm khác trong quá trình phát triển kinh tế của nhóm nước sáng lập ASEAN.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ấn Độ và khu vực Trung Đông : hiểu được những nét chính về quá trình giành độc lập, thành tựu xây dựng đất nước ở Ấn Độ từ sau năm 1945 và quá trình đấu tranh giải phóng của nhân dân Pa-le-xtin từ năm 1947 đến nay.</li> <li>- Các nước châu Phi và Mĩ La-tinh : khái quát được quá trình đấu tranh giành độc lập và phát triển kinh tế - xã hội (thành tựu và khó khăn), ý nghĩa của những thành quả mà nhân dân các nước châu Phi, Mĩ La-tinh giành được sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> </ul>	
<b>4. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (từ 1945 đến nay)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những nét lớn về tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, chính trị, xã hội ở các nước Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu. Sự liên kết khu vực ở châu Âu.</li> <li>- Trình bày được những hạn chế trong quá trình phát triển ở các nước này.</li> <li>- Mĩ qua những năm 1945 - 1973 ; 1973 - 1991 ; 1991 đến nay. Mỗi giai đoạn đi sâu tìm hiểu các vấn đề : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự phát triển kinh tế (suy thoái, phục hồi và phát triển), khoa học – kĩ thuật ;</li> <li>+ Chính trị, xã hội ;</li> <li>+ Chính sách đối ngoại.</li> </ul> </li> <li>- Tây Âu qua các giai đoạn 1945 - 1950, 1950 - 1973, 1973 - 1991, 1991 đến nay, nêu các vấn đề chủ yếu : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật : Các nước Tây Âu những năm 1950 - 1973 đã cơ bản ổn định và phục hồi (với sự giúp đỡ của Mĩ ; những nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế nhanh chóng của các nước Tây Âu).</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>+ Chính trị, xã hội : Định ước Hen-xin-ki về an ninh và hợp tác châu Âu (1975) ; phá bỏ bức tường Béc-lin và việc tái thống nhất Đức.</p> <p>+ Chính sách đối ngoại : Trong những năm 1991 - 2000, mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh, các nước Đông Âu và Liên Xô, sự hợp tác, liên minh về lĩnh vực kinh tế và chính trị.</p> <p>+ Liên minh châu Âu (EU). Biết được khái quát quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).</p> <p>– Nhật Bản qua những năm 1945 - 1972 ; 1972 - 1973 ; 1973 - 1991 ; từ 1991 đến nay, nêu được các vấn đề chủ yếu :</p> <p>+ Sự phát triển kinh tế : Những thành tựu chính, nguyên nhân dẫn đến sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản. Từ nửa sau những năm 80, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường tài chính số một thế giới, song nền kinh tế Nhật Bản vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức.</p> <p>+ Chính trị, xã hội : Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) nắm quyền và chi phối nền chính trị Nhật Bản. Về hình thức là chế độ quân chủ lập hiến nhưng thực chất là chế độ đại nghị tư sản.</p> <p>+ Chính sách đối ngoại : Học thuyết Phu-cư-đa (8 - 1977) là mốc đánh dấu sự “trở về” châu Á của Nhật Bản.</p>	<p>– Những nguyên nhân đưa tới sự liên kết Tây Âu (EU).</p> <p>– Những thách thức đối với nền kinh tế Nhật Bản.</p> <p>– Năm 1956, Nhật Bản là thành viên của Liên hợp quốc.</p> <p>- Ngày 21-9-1973, Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.</p>
<b>5. Quan hệ quốc tế từ 1947 đến nay</b>	- Hiểu và phân tích được quan hệ quốc tế từ 1947 đến 1991 là thời kì căng thẳng giữa hai phe, hai khối đứng đầu là Mĩ và Liên Xô.	- Hiểu khái niệm “chiến tranh lạnh” và trình bày được những biểu hiện của nó.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của “chiến tranh lạnh”.</li> <li>+ Nội dung cơ bản của học thuyết Tru-man.</li> <li>+ Sự hình thành khối quân sự NATO, Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va và hậu quả đối với tình hình thế giới.</li> <li>- Sự đối đầu Đông – Tây và các cuộc chiến tranh cục bộ :</li> <li>+ Chiến tranh Đông Dương 1946 - 1954.</li> <li>+ Chiến tranh Triều Tiên 1950 - 1953.</li> <li>+ Chiến tranh Việt Nam 1954 - 1975.</li> <li>- Đặc điểm trong quan hệ quốc tế từ 1991 đến nay : hoà hoãn, đa cực, lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm, xung đột khu vực.</li> <li>+ Những sự kiện biểu hiện xu thế hoà hoãn, tiến tới chấm dứt “chiến tranh lạnh”.</li> <li>+ Nguyên nhân của việc chấm dứt “chiến tranh lạnh”.</li> <li>- Thế giới sau “chiến tranh lạnh”.</li> <li>+ Nêu được các xu thế của thế giới sau khi “chiến tranh lạnh” chấm dứt.</li> <li>+ Biết liên hệ với công cuộc đổi mới ở nước ta.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệp định về những cơ sở của quan hệ quốc tế giữa Đông và Tây Đức (1972) ; Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa ABM (1972) ; Định ước Hen-xin-ki (1975) ; các cuộc gặp cấp cao Xô - Mỹ : hợp tác kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá..., thoả thuận về thủ tiêu tên lửa tầm trung (1987) ; tuyên bố chấm dứt “chiến tranh lạnh” (1989).</li> <li>- Giải thích được thế nào là : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trật tự thế giới hai cực sụp đổ, trật tự thế giới mới đang hình thành.</li> <li>+ Mỹ đang cố gắng thành lập thế giới một cực.</li> <li>+ Hoà bình được củng cố, nhưng nhiều nơi còn chưa ổn định...</li> </ul> </li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><b>6. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá</b></p>	<p>Nêu và giải thích được :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc, đặc điểm và thành tựu nổi bật của cách mạng khoa học, công nghệ : công cụ sản xuất mới, những nguồn năng lượng mới, những vật liệu mới, công nghệ sinh học, chinh phục vũ trụ...</li> <li>- Tác động tích cực và những vấn đề nảy sinh do cách mạng khoa học – kĩ thuật : tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống của con người, xu thế toàn cầu hoá..., tình trạng ô nhiễm môi trường, các loại dịch bệnh, mức độ huỷ diệt của vũ khí hiện đại...</li> <li>- Xu thế toàn cầu hoá và những ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.</li> <li>- Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.</li> <li>- Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.</li> <li>- Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn</li> <li>- Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được : khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.</li> <li>- Phân tích được mặt tích cực và tiêu cực của xu thế toàn cầu hoá : toàn cầu hoá vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển.</li> </ul>
<p><b>7. Tổng kết lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và trình bày được những nội dung cơ bản đã học.</li> <li>- Phân tích được các nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau năm 1945.</li> <li>- Biết vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá những vấn đề của thực tiễn trong nước và thế giới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập bảng thống kê các sự kiện chính của lịch sử thế giới từ năm 1945 đến nay.</li> <li>- Phân tích các xu thế phát triển của thế giới hiện nay và giải thích được thế nào là thời cơ và thách thức đối với các dân tộc.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>B. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1918 ĐẾN NAY</b>		
<p><b>1. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930</b></p> <p>1.1. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925</p> <p>1.2. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những nét chính của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ảnh hưởng tới Việt Nam : các nước tư bản châu Âu gặp khó khăn ; phong trào công nhân và cộng sản trên thế giới có bước phát triển mới.</li> <li>- Trình bày được chính sách tăng cường khai thác Việt Nam của thực dân Pháp trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai về các ngành nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, thuế ; cùng với nó là các chính sách về chính trị, văn hoá và giáo dục. Thấy được sự biến đổi về mặt kinh tế đã tác động tới sự phân hoá xã hội. Từ đó, rút ra mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội nước ta lúc này là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và các thế lực tay sai phản động.</li> <li>- Trình bày được các hoạt động tiêu biểu của phong trào yêu nước trong thời kì này : Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, những phong trào yêu nước tiến bộ, hoạt động của tư sản và tiểu tư sản, phong trào đấu tranh của công nhân. Nêu được những hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1919 - 1925 và tác dụng của nó đối với cách mạng Việt Nam.</li> <li>- Nắm được đường lối hoạt động chính của các tổ chức cách mạng : Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhấn mạnh mối quan hệ giữa phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.</li> <li>- Nhấn mạnh mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội, phân tích để rút ra mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội.</li> <li>- Nêu rõ tác dụng các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đối với phong trào cách mạng Việt Nam.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Giải thích được nguyên nhân thất bại của khởi nghĩa Yên Bái và Việt Nam Quốc dân đảng. Trình bày được sự phát triển của phong trào công nhân dưới sự tác động của phong trào “vô sản hoá”. Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản : Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Từ đó thấy được sự lớn mạnh của xu hướng cứu nước theo con đường của giai cấp vô sản.</p> <p>- Giải thích được hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trình bày được Hội nghị thành lập Đảng (từ ngày 3 đến ngày 7 - 2 - 1930), Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng : phân tích nội dung và tính sáng tạo của cương lĩnh đó ; ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam : bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam : vận động chuẩn bị thành lập, chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản, soạn thảo cương lĩnh đầu tiên của Đảng.</p>	<p>- Nhấn mạnh sự phân hoá của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và sự ra đời của ba tổ chức cộng sản là biểu hiện của sự phát triển của cách mạng.</p> <p>- Nêu rõ vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.</p>
<p><b>2. Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945</b></p> <p>2.1. Phong trào cách mạng 1930 - 1935</p>	<p>Trình bày được những nét chính về ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) nói chung và Pháp nói riêng đến nền kinh tế Việt Nam và sự tác động của tình hình kinh tế xã hội Việt Nam ; đời sống của mọi tầng lớp</p>	<p>- Nêu rõ mối quan hệ giữa tình hình thế giới và Việt Nam.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	nhân dân đều sa sút.	
2.2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939	<p>- Diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết – Nghệ Tĩnh (làm chủ chính quyền, các chính sách tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hoá).</p> <p>- Trình bày được diễn biến của Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 - 1930), những điểm chính của Luận cương (10 - 1930) : đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, những vấn đề chiến lược, sách lược của Cách mạng Đông Dương ; động lực và tổ chức lãnh đạo cách mạng, hình thức và phương pháp đấu tranh. Hiểu được sự đúng đắn của Luận cương và một số điểm hạn chế về việc xác định mâu thuẫn chính trong xã hội, động lực cách mạng...</p> <p>- Trình bày được một số hoạt động chính của giai đoạn phục hồi phong trào cách mạng (1932 - 1935) : đấu tranh trong các nhà tù ; củng cố tổ chức Đảng ; đấu tranh trên mặt trận chính trị và văn hoá.</p> <p>- Nêu được bối cảnh Việt Nam trong những năm 1936 - 1939 : chủ trương chống chủ nghĩa phát xít của Quốc tế Cộng sản và sự ra đời của Mặt trận Nhân dân Pháp, phong trào dân chủ ở Trung Quốc và các thuộc địa Pháp, các hoạt động tác động</p>	<p>- Nhấn mạnh đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 là Xô viết Nghệ - Tĩnh và những chính sách tiến bộ của chính quyền Xô viết.</p> <p>- So sánh với Chính cương sách lược vắn tắt để thấy rõ sự đúng đắn cũng như sự hạn chế của Luận cương.</p> <p>- Nhấn mạnh mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.</p>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	đến Việt Nam ; tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam.	
<p>2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945 và Cách mạng tháng Tám 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập</p>	<p>- Những điểm chính trong chủ trương của Đảng và những phong trào tiêu biểu : Đông Dương Đại hội ; đòi tự do, dân sinh, dân chủ ; đấu tranh nghị trường, đấu tranh trên lĩnh vực báo chí... Một số kết quả và kinh nghiệm đấu tranh công khai, hợp pháp.</p> <p>- So sánh được chủ trương, sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh giữa thời kì 1936 - 1939 với thời kì 1930 – 1931.</p> <p>- Trình bày được một số điểm nổi bật trong bối cảnh Việt Nam những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) : Chính trị, kinh tế - xã hội. Hiểu được hầu hết các giai cấp và tầng lớp xã hội ở nước ta đều bị ảnh hưởng bởi những chính sách bóc lột của Pháp – Nhật.</p> <p>- Chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng Cộng sản Đông Dương được đề ra trong Hội nghị lần thứ 6 (11 - 1939) Ban Chấp hành Trung ương Đảng ; trình bày được diễn biến của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu mở đầu thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc : khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9-1940) ; khởi nghĩa Nam Kỳ (23-11-1940) ; cuộc binh biến Đô Lương (13-1-1941) ; nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa.</p> <p>- Nêu được nội dung chủ yếu của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5 - 1941) ; công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền : xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng.</p>	<p>- Làm rõ nguyên nhân của sự thay đổi chủ trương so với giai đoạn trước.</p> <p>- Đây là yêu cầu cao hơn chương trình chuẩn, cần tập trung làm rõ.</p> <p>- So sánh được với giai đoạn trước và giải thích nguyên nhân của sự thay đổi đó.</p> <p>- Nhấn mạnh sự khác nhau giữa Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11 - 1939) và Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5 - 1941) để thấy rõ ý nghĩa</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, nêu được những nét chính của giai đoạn khởi nghĩa từng phần : Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945) ; chỉ thị của Đảng : “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, phong trào phá kho thóc giải quyết nạn đói, khởi nghĩa Ba Tơ ; cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập.</p> <p>– Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 : Phân tích được sự sáng suốt của Đảng trong việc chớp thời cơ, phát động khởi nghĩa, nắm khái quát diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa của nhân dân trong cả nước, trình bày diễn biến chính cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.</p> <p>- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập (2-9-1945) : Biết tóm tắt diễn biến cuộc mít tinh tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội). Phân tích ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. Phân tích được bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám : vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn Việt Nam, thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất, kết hợp các hình thức đấu tranh, Đảng luôn kết hợp giữa đấu tranh và xây dựng.</p>	<p>của Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.</p> <p>- Nhấn mạnh ý nghĩa của những sự kiện.</p> <p>- Lưu ý phân tích những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám. Đây là yêu cầu cao hơn chương trình chuẩn.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><b>3. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954</b></p> <p>3.1. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946)</p>	<p>- Hiểu được tình hình nước ta trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám 1945, chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và chuẩn bị cho kháng chiến : bước đầu xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. Ý nghĩa của các biện pháp đó.</p> <p>- Trình bày được những diễn biến chính của cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng : kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược miền Nam. Đấu tranh với quân Trung Hoa Quốc dân đảng và bọn phản cách mạng ở miền Bắc, hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Quốc dân đảng ra khỏi nước ta.</p> <p>- Phân tích hoàn cảnh dẫn đến việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ra <i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i>, đường lối kháng chiến của Đảng và phân tích được sự đúng đắn của đường lối đó. Trình bày được cuộc kháng chiến anh dũng của quân dân thủ đô Hà Nội và các đô thị từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, những công việc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, ý nghĩa của</p>	<p>- Nhân mạnh tinh thần yêu nước của toàn dân.</p> <p>- Qua Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946, Tạm ước 14-9-1946 để thấy được sự tài tình và khéo léo của Đảng ta.</p> <p>- Nhân mạnh :  + Nguyên nhân khiến dân tộc ta phải đứng lên kháng chiến.  + Đường lối kháng chiến đúng đắn.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	những công việc đó.	
3.2. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp (1946 - 1953)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tình hình cuộc kháng chiến từ năm 1948 đến năm 1950 : những chính sách xây dựng hậu phương về chính trị, quân sự, kinh tế, giáo dục. Hiểu được vai trò của hậu phương.</li> <li>- Trình bày được diễn biến, kết quả và phân tích ý nghĩa của chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.</li> <li>- Trình bày được hoàn cảnh và chủ trương của ta trong việc chủ động mở chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 : diễn biến, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch và hiểu được tương quan lực lượng giữa ta và Pháp trên chiến trường.</li> <li>- Nắm được những kết quả đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951 đến năm 1952, ý nghĩa và tác dụng của việc xây dựng hậu phương đối với cuộc kháng chiến nói chung, với chiến trường nói riêng.</li> <li>- Nêu được tình hình chiến trường từ năm 1951 đến năm 1952, diễn biến chính của chiến dịch Hoà Bình, Tây Bắc... ; ý nghĩa của các chiến dịch đó. Hiểu được tương quan lực lượng giữa ta và Pháp trên chiến trường chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được mối quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến.</li> <li>- Phân tích được bước phát triển lớn mạnh về quân sự của ta qua các chiến dịch.</li> </ul>
3.3. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 - 1954)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được những âm mưu, thủ đoạn mới của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ thể hiện trong kế hoạch Na-va.</li> <li>- Trình bày được những nét chính trong chiến cuộc Đông – Xuân (1953 - 1954), chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương. Ý nghĩa và nguyên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được sự thất bại của kế hoạch Na-va.</li> <li>- Chú ý tới mối quan hệ giữa mặt trận ngoại giao và mặt trận quân sự.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).	
<p><b>4. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975</b></p> <p>4.1. Miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế – xã hội, miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn hoà bình (1954 – 1960)</p>	<p>- Trình bày được tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 : Đất nước bị chia cắt làm hai miền (tạm thời). Phân tích được nhiệm vụ của cả nước, của mỗi miền và mối quan hệ giữa nhiệm vụ cách mạng của hai miền. Chứng minh được sự đúng đắn của đường lối đó.</p> <p>- Hiểu được yêu cầu cách mạng đối với nhân dân miền Bắc và những bước đi ban đầu (1954 - 1960) : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh. Phân tích được ý nghĩa của các sự kiện trên và những hạn chế trong cải cách ruộng đất, trong cải tạo quan hệ sản xuất.</p> <p>- Trình bày được phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam chống chế độ Mĩ – Diệm, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng (1954 – 1959), phong trào hoà bình của trí thức và các tầng lớp nhân dân, phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960). Sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.</p> <p>- Nắm được nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960), khẳng định nhiệm vụ của</p>	<p>- Tập trung chứng minh sự đúng đắn của Đảng trong việc đề ra nhiệm vụ cách mạng của hai miền và phân tích mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ đó.</p> <p>- Phân tích ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi”.</p> <p>- Tập trung vào ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	cách mạng Việt Nam, phân tích được ý nghĩa của sự kiện lịch sử này.	của Đảng (9 - 1960), đây là nội dung chỉ được đề cập ở chương trình nâng cao.
<p>4.2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam (1961 – 1965)</p> <p>4.3. Hai miền đất nước trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973)</p>	<p>- Nêu được những thành tựu về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965) : công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp , giao thông vận tải, y tế, giáo dục.</p> <p>- Hiểu được âm mưu của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. So sánh sự giống và khác nhau về chiến lược của Mĩ trước và sau năm 1960. Trình bày được diễn biến cuộc đấu tranh của nhân dân ta để chống và phá “áp chiến lược”, chiến thắng Ấp Bắc và chiến dịch Đông – Xuân 1964 - 1965. Ý nghĩa của các sự kiện trên : làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.</p> <p>- Trình bày và phân tích được âm mưu và hành động của Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc (1965 - 1968). Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương lớn. Nêu được những thành tựu và kết quả chủ yếu.</p> <p>- Nhân dân miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ : Nêu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ. Trình bày</p>	<p>- Nhấn mạnh vai trò của hậu phương lớn.</p> <p>- Lưu ý, việc so sánh giữa các chiến lược của Mĩ để thấy rõ hơn ý nghĩa của các thắng lợi của nhân dân ta.</p> <p>- Lưu ý, phân tích nguyên nhân Mĩ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.</p> <p>- Tập trung phân tích ý nghĩa của chiến thắng Vạn Tường và cuộc</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>được những thắng lợi của nhân dân miền Nam : Chiến thắng Vạn Tường, hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967. Ý nghĩa của những chiến thắng này : Buộc Mĩ thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Trình bày được bối cảnh, diễn biến chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), phân tích ý nghĩa thắng lợi và những hạn chế của ta.</p>	<p>Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968).</p>
	<p>-Trình bày được những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (1969 - 1973) của nhân dân miền Bắc ; những đóng góp về sức người, sức của cho cách mạng miền Nam ; những thành tích trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1972) và phân tích được vai trò, ý nghĩa của các sự kiện đó.</p> <p>- Nêu được đặc điểm chính của chiến lược “Việt Nam hoá” chiến tranh của Mĩ (1969 – 1973). So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và “Việt Nam hoá” chiến tranh của đế quốc Mĩ. Trình bày được những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam làm thất bại chiến lược đó. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập, một số chiến dịch và đặc biệt là cuộc tiến công chiến lược năm 1972. Phân tích được ý nghĩa của các sự kiện đó.</p> <p>- Phân tích và chứng minh được diễn biến, nội dung và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri 1973 về chấm dứt chiến</p>	<p>- Tập trung phân tích vai trò của nhân dân miền Bắc trong giai đoạn này.</p> <p>- Phân tích được nguyên nhân Mĩ phải thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá” chiến tranh.</p> <p>- Tập trung vào so sánh hai hiệp định để thấy được bước phát triển</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>4.4. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)</p>	<p>tranh ở Việt Nam. Phân tích được sự giống và khác nhau giữa Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương và Hiệp định Pa-ri về Việt Nam : hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Hiệp định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất và chi viện cho miền Nam.</li> <li>- Nêu được bối cảnh và chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trình bày được diễn biến chính của những chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 : chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh. Phân tích được ý nghĩa của các chiến dịch. Miền Nam hoàn toàn được giải phóng. Phân tích được đặc điểm, tính chất, ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</li> </ul>	<p>của cách mạng Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung phân tích ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</li> </ul>
<p><b>5. Việt Nam từ năm 1975 đến nay</b></p> <p>5.1. Việt Nam từ năm 1975 đến 1986 : Cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu và phân tích được bối cảnh và những thuận lợi, khó khăn của nước ta sau chiến thắng 1975. Nêu được những thành tựu khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế xã hội ở hai miền đất nước.</li> <li>- Trình bày được diễn biến, nội dung cơ bản và phân tích được ý nghĩa của kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (tháng 6, 7 - 1976).</li> <li>- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau</li> </ul>	



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>năm 1975 khi bước vào cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội qua hai kế hoạch 5 năm : 1976 - 1980 và 1980 - 1986 về nông nghiệp, công nghiệp, khoa học – kĩ thuật ; công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các vùng mới giải phóng ở miền Nam.</li> <li>- Những kết quả chủ yếu của công cuộc bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc.</li> </ul>	
5.2. Đất nước trên đường đổi mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những thành tựu và những yếu kém của hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</li> <li>- Giải thích được những điểm chủ yếu trong đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế, chính trị. Nêu được những kết quả chủ yếu trong quá trình đổi mới của nước ta : kinh tế, lương thực, thực phẩm, hàng hoá trên thị trường ; cơ cấu chính trị (ổn định chính trị – xã hội) ; đối ngoại : mở rộng quan hệ đối ngoại, bước phát triển mới về khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội. Phân tích được những tiến bộ và khó khăn, những thuận lợi và thách thức.</li> </ul>	
<b>6. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày và giải thích được những nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).</li> <li>- Cách mạng tháng Tám 1945.</li> <li>- Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954.</li> <li>- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.</li> <li>- Công cuộc đổi mới đất nước.</li> </ul>

## **IV – GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN**

### **1. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình**

Ngoài những quan điểm cơ bản đã nêu trong Chương trình chuẩn, Chương trình nâng cao còn đảm bảo hai quan điểm sau :

#### ***a) Thống nhất với Chương trình chuẩn***

- Về các chủ đề dạy học.
- Về phương pháp dạy học.

#### ***b) Nâng cao Chương trình chuẩn***

Về trình độ, chương trình được nâng cao hơn, yêu cầu hiểu biết sâu và rộng hơn quá trình phát triển của lịch sử dân tộc từ nguồn gốc đến nay ; yêu cầu cao hơn về rèn luyện kỹ năng sưu tầm và sử dụng các loại tư liệu lịch sử, vận dụng vào cuộc sống ; bồi dưỡng hơn nữa năng lực phát hiện, đề xuất và giải thích các vấn đề trong học tập lịch sử.

### **2. Về phương pháp dạy học**

Ngoài những yêu cầu về phương pháp dạy học được hướng dẫn trong Chương trình chuẩn, Chương trình nâng cao lưu ý một số vấn đề sau :

- Cho học sinh tiếp cận nhiều hơn nguồn tư liệu lịch sử khác nhau.
- Tổ chức nhiều hơn các hoạt động tự học tập của học sinh (như làm các bài tập lịch sử, sưu tầm tư liệu các loại về một chủ đề...).
- Tổ chức nhiều hơn các cuộc trao đổi và thảo luận của học sinh.
- Tăng cường hình thức học tập ở bảo tàng, trên hiện trường lịch sử, các di tích lịch sử ; tiếp xúc, trao đổi với nhân chứng, nhân vật lịch sử...

### **3. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh**

Thực hiện theo hướng dẫn của Chương trình chuẩn.

### **4. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh**

Thực hiện theo hướng dẫn của Chương trình chuẩn.